

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung, mức chi và khen thưởng tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15;

Căn cứ Nghị định số 110/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chế độ khen thưởng đối với học sinh, sinh viên, học viên đoạt giải trong các kỳ thi quốc gia, quốc tế;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;

Xét Tờ trình số 1813/TTr-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi và khen thưởng tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Báo cáo thẩm tra số 225/BC-HĐND ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi và khen thưởng tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi và khen thưởng tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Các cơ quan quản lý Nhà nước về giáo dục và đào tạo;
- b) Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Cao Bằng được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi.

Điều 2. Quy định nội dung, mức chi và khen thưởng tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Thực hiện theo Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

- 1. Nguồn ngân sách Nhà nước (ngân sách chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo) theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.
- 2. Nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; nguồn vốn xã hội hoá, nguồn huy động hợp pháp, nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

- 1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.
- 2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 5. Điều khoản thi hành

- 1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 7 năm 2026.
- 2. Nghị quyết này thay thế các Nghị quyết sau đây:
 - a) Nghị quyết số 85/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

b) Nghị quyết số 42/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều 3 của quy định nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Nghị quyết số 85/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVIII, Kỳ họp thứ 04 thông qua ngày 24 tháng 6 năm 2026./

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm thông tin - Hội nghị, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Phan Thăng An

PHỤ LỤC

Nội dung, mức chi và khen thưởng tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

(Kèm theo Nghị quyết số 19/2026/NQ-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị tính: nghìn đồng

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
I	Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông		
1	Chi tiền công cho các chức danh của thành viên Ban Chỉ đạo/Hội đồng thi và các Ban của Hội đồng thi		
1.1	Ban Chỉ đạo thi cấp tỉnh		
	Trưởng ban	Người/ngày	500
	Phó Trưởng ban	Người/ngày	400
	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	300
1.2	Hội đồng thi		
	Chủ tịch	Người/ngày	500
	Phó Chủ tịch	Người/ngày	400
	Ủy viên	Người/ngày	300
1.3	Các Ban của Hội đồng thi (Ban Thư ký, Ban In sao, Ban Vận chuyển, Ban Coi thi/Điểm thi, Ban Làm phách, Ban Ra đề, Ban Chấm thi, Ban Phúc khảo)		
	Trưởng ban/Trưởng điểm	Người/ngày	500
	Phó Trưởng ban/Phó Trưởng điểm	Người/ngày	400
	Cán bộ chấm thi trắc nghiệm, cán bộ chấm thi tự luận, thư ký	Người/ngày	350
	Ủy viên, cán bộ coi thi/giám thi, cán bộ giám sát, kỹ thuật viên	Người/ngày	300
	Nhân viên phục vụ, y tế, bảo vệ, công an vòng ngoài	Người/ngày	200
	Tiền công cho tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm thi (ngoài tiền công chấm thi)	Người/đợt	300
2	Chi tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ cho Hội đồng/Ban In sao đề thi; Ban Làm phách; kiểm tra công tác in sao; làm phách (thực hiện cách ly); công an bảo vệ 24h/24h		
2.1	Chi tiền ăn	Người/ngày	200
2.2	Chi tiền giải khát giữa giờ	Người/buổi	30

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
3	Chi tiền công cho công tác kiểm tra trước, trong và sau kỳ thi		
	Trưởng đoàn/Tổ trưởng	Người/ngày	500
	Phó Trưởng đoàn/Tổ phó	Người/ngày	400
	Thành viên	Người/ngày	300
II	Thi chọn học sinh giỏi các môn văn hóa		
1	Thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia		
1.1	Chi cho các chức danh của Hội đồng coi thi/Ban coi thi	Áp dụng bằng mức chi cho các chức danh tương ứng Ban Coi thi kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông (mục I.1.3)	
1.2	Chi cho giáo viên tập huấn học sinh tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia (4 tiết/ngày)		
1.2.1	Tiền công cán bộ phụ trách lớp tập huấn (không quá 13 ngày)	Người/ngày	230
1.2.2	Tiền công biên soạn và giảng dạy lý thuyết/thực hành ôn luyện học sinh tham dự kỳ thi học sinh giỏi quốc gia; 1 ngày = 1/2 ngày biên soạn tài liệu + 1/2 ngày giảng dạy (không quá 25 ngày)	Người/ngày	750
1.2.3	Trợ lý thí nghiệm, thực hành (nếu có) (không quá 10 ngày)	Người/ngày	230
1.3	Chi cho học sinh tham gia tập huấn để tham dự kỳ thi (không quá 25 ngày)	Người/ngày	300
2	Thi chọn đội tuyển tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia/Thi học sinh giỏi các môn văn hóa cấp tỉnh		
2.1	Chi tiền công cho các chức danh của Hội đồng thi; Các Ban/Hội đồng (Ban Tổ chức; Thư ký; Ra đề thi và in sao đề thi; Vận chuyển đề thi và bài thi; Coi thi; Làm phách; Chấm thi; Phúc khảo)	Áp dụng bằng 80% cho các chức danh tương ứng của Hội đồng thi, các Ban của Hội đồng thi kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông (mục I.1.2; I.1.3)	
2.2	Chi tiền công cho công tác kiểm tra trước, trong và sau kỳ thi	Áp dụng bằng 80% chi cho công tác kiểm tra kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông (mục I.3)	
2.3	Chi tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ cho Hội đồng/Ban In sao đề thi; Ban Làm phách; kiểm tra công tác in sao; làm phách (thực hiện cách ly); công an bảo vệ 24h/24h	Áp dụng bằng mức chi tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ của kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông (mục I.2)	
2.4	Chi cho học sinh tham gia tập huấn để tham dự kỳ thi (không quá 15 ngày)	Người/ngày	200
3	Thi học sinh giỏi các môn văn hóa cấp xã		

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
3.1	Chi tiền công cho các chức danh các Ban/Hội đồng (Ban Tổ chức; Thư ký; Ra đề thi, in sao đề thi; Vận chuyển đề thi và bài thi; Coi thi; Làm phách; Chấm thi; Phúc khảo)	Áp dụng bằng 70% mức chi cho các chức danh tương ứng của kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh (mục II.2.1)	
3.2	Chi cho học sinh tham gia tập huấn để tham dự các kỳ thi học sinh giỏi cấp xã (không quá 10 ngày)	Người/ngày	150
III	Thi tuyển sinh lớp 10 trung học phổ thông		
1	Chi tiền công cho các chức danh của Ban Chỉ đạo/Hội đồng tuyển sinh và các Hội đồng/Ban (Thư ký, Ra đề thi, In sao đề thi; Vận chuyển và bàn giao đề thi và bài thi; Coi thi; Làm phách; Chấm thi; Phúc khảo)	Áp dụng bằng 80% mức chi cho các chức danh tương ứng của kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông (mục I.1.2; I.1.3)	
2	Chi tiền công cho công tác kiểm tra trước, trong và sau kỳ thi	Áp dụng bằng 80% mức chi cho công tác kiểm tra kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông (mục I.3)	
3	Chi tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ cho Hội đồng/Ban Ra đề và in sao đề thi; Ban Làm phách; kiểm tra công tác in sao; làm phách (thực hiện cách ly); công an bảo vệ 24h/24h	Áp dụng bằng mức chi tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ của kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông (mục I.2)	
IV	Cuộc thi Khoa học kỹ thuật		
1	Tham gia thi Khoa học kỹ thuật cấp quốc gia		
1.1	Tiền công cho giáo viên giảng dạy lý thuyết/thực hành ôn luyện /hướng dẫn học sinh (04 tiết/ngày; không quá 10 ngày)	Người/ngày	500
1.2	Chi cho học sinh tham gia tập huấn (không quá 10 ngày)	Người/ngày	300
1.3	Chi đồng phục cho đoàn (nếu có)	Căn cứ theo chế độ hiện hành, hóa đơn chứng từ chi tiêu hợp pháp, hợp lệ và được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong phạm vi dự toán giao	
2	Tổ chức thi Khoa học kỹ thuật cấp tỉnh		
2.1	Chi tiền công cho các chức danh của Ban Chỉ đạo thi, Hội đồng thẩm định hồ sơ, Ban Giám khảo	Áp dụng bằng mức chi cho các chức danh tương ứng kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh (mục II.2.1)	
2.2	Chi cho học sinh tham gia tập huấn (không quá 10 ngày)	Người/ngày	200
3	Tổ chức cuộc thi Khoa học kỹ thuật: - Cấp xã; - Cấp trường đối với trường trung học phổ thông		
3.1	Chi tiền công cho các chức danh của Ban Chỉ đạo thi, Hội đồng thẩm định hồ sơ, Ban Giám khảo	Áp dụng bằng 70% mức chi của cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp tỉnh (mục IV.2.1)	
3.2	Chi cho học sinh tham gia tập huấn (không quá 10 ngày)	Người/ngày	150

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
V	Hội khỏe Phù Đồng các cấp		
1	Tập huấn cho học sinh và tham gia thi đấu khu vực, toàn quốc		
1.1	Chi cho công tác tập huấn		
1.1.1	Tiền công cán bộ phụ trách lớp tập huấn (không quá 13 ngày)	Người/ngày	230
1.1.2	Tiền công cho giáo viên giảng dạy lý thuyết/thực hành ôn luyện /hướng dẫn học sinh (04 tiết/ngày; không quá 25 ngày)	Người/ngày	500
1.1.3	Chi cho học sinh tham gia tập huấn/huấn luyện (không quá 25 ngày)	Người/ngày	300
1.2	Phương tiện đi lại, đưa đón học sinh và giáo viên	Căn cứ theo chế độ hiện hành, hóa đơn chứng từ chi tiêu hợp pháp, hợp lệ và được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong phạm vi dự toán giao	
1.3	Trang phục cho Trưởng đoàn, huấn luyện viên, vận động viên tham dự kỳ thi	Căn cứ theo chế độ hiện hành, hóa đơn chứng từ chi tiêu hợp pháp, hợp lệ và được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong phạm vi dự toán giao	
2	Tổ chức Hội khỏe Phù Đồng cấp tỉnh		
2.1	Chi tiền công cho các chức danh của Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức, Ban Thư ký, Ban Trọng tài và các tiểu ban	Áp dụng bằng 80% mức chi các chức danh tương ứng kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh (mục II.2.1)	
2.2	Chi cho học sinh tham gia tập huấn/huấn luyện (không quá 15 ngày)	Người/ngày	200
2.3	Phương tiện đi lại, đưa đón học sinh và giáo viên; Chi trang phục cho huấn luyện viên, học sinh phục vụ tập luyện	Căn cứ theo chế độ hiện hành, hóa đơn chứng từ chi tiêu hợp pháp, hợp lệ và được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong phạm vi dự toán giao	
2.4	Chi trang phục cho Ban Tổ chức, thư ký, trọng tài	Căn cứ theo chế độ hiện hành, hóa đơn chứng từ chi tiêu hợp pháp, hợp lệ và được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong phạm vi dự toán giao	
3	Hội khỏe Phù Đồng cấp xã/cấp trường đối với trung học phổ thông		
3.1	Chi tiền công cho các chức danh của Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức, Ban Thư ký, Ban Trọng tài và các tiểu ban	Áp dụng bằng 70% các mức chi tương ứng của Hội khỏe Phù Đồng cấp tỉnh (Mục V.2.1)	
3.2	Chi cho học sinh tham gia tập huấn/huấn luyện (không quá 10 ngày)	Người/ngày	150

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
3.3	Chi trang phục cho huấn luyện viên, học sinh phục vụ tập luyện	Căn cứ theo chế độ hiện hành, hóa đơn chứng từ chi tiêu hợp pháp, hợp lệ và được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong phạm vi dự toán giao	
3.4	Chi trang phục cho Ban Tổ chức, thư ký, trọng tài	Căn cứ theo chế độ hiện hành, hóa đơn chứng từ chi tiêu hợp pháp, hợp lệ và được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong phạm vi dự toán giao	
VI	Hội thao Giáo dục quốc phòng và an ninh toàn quốc, cấp sở, cấp trường		
1	Tập huấn và tham dự Hội thao Giáo dục quốc phòng và an ninh cấp toàn quốc		
1.1	Chi cho công tác tập huấn		
1.1.1	Tiền công cán bộ phụ trách lớp tập huấn (không quá 08 ngày)	Người/ngày	230
1.1.2	Chi tiền công cho giáo viên giảng dạy lý thuyết/thực hành ôn luyện học sinh (04 tiết/ngày, không quá 15 ngày)	Người/ngày	500
1.1.3	Chi cho học sinh tham gia tập huấn để tham dự kỳ thi (không quá 15 ngày)	Người/ngày	300
1.2	Chi cho công tác tham dự kỳ thi		
	Trang phục cho các thành viên đoàn tập luyện và tham dự thi đấu	Căn cứ theo chế độ hiện hành, hóa đơn chứng từ chi tiêu hợp pháp, hợp lệ và được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong phạm vi dự toán giao	
2	Tổ chức Hội thao Giáo dục quốc phòng và an ninh cấp sở		
2.1	Chi tiền công cho các chức danh của Ban Tổ chức, Ban Thư ký, Ban ra đề thi, Ban Giám khảo và các tiểu ban	Áp dụng bằng 80% mức chi các chức danh tương ứng kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh (mục II. 2.1)	
2.2	Tiền công ra đề thi chính thức, dự bị có kèm theo đáp án, biểu điểm	Áp dụng bằng 80% mức chi ra đề chính thức và dự bị có kèm theo đáp án, thang điểm kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh (mục XI.3.3)	
2.3	Chi cho học sinh tham gia tập huấn/huấn luyện để tham dự kỳ thi (không quá 15 ngày)	Người/ngày	200

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
3	Chi tiền công cho các chức danh Ban Tổ chức, Ban Thư ký, Ban ra đề thi, Ban Giám khảo và các tiểu ban Hội thao giáo dục quốc phòng và an ninh cấp trường đối với trung học phổ thông	Áp dụng bằng 70% mức chi các chức danh tương ứng của Hội thao Giáo dục quốc phòng và an ninh cấp Sở (mục VI.2.1)	
VII	Hội thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi, giáo viên làm Tổng phụ trách đội giỏi các cấp		
1	Hội thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi, giáo viên làm Tổng phụ trách đội giỏi cấp tỉnh		
1.1	Chi tiền công cho các chức danh là thành viên Ban Tổ chức, Ban Giám khảo, Ban Thư ký, Ban ra đề thi, Ban Còi thi	- Đối với Hội thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi áp dụng bằng các mức chi cho các chức danh tương ứng của kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh (mục II.2.1) - Đối với Hội thi giáo viên làm Tổng phụ trách đội giỏi áp dụng bằng 80% các mức chi cho các chức danh tương ứng tương ứng của kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh (mục II.2.1)	
1.2	Tiền công ra đề thi chính thức, dự bị có kèm theo đáp án, biểu điểm	Áp dụng bằng 80% mức chi ra đề chính thức và dự bị có kèm theo đáp án, thang điểm kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh (mục XI.3.3)	
2	Hội thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi, giáo viên làm Tổng phụ trách đội giỏi: - Cấp xã; - Cấp trường đối với trường trung học phổ thông	Áp dụng bằng 70% các mức chi của Hội thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi, giáo viên làm Tổng phụ trách đội giỏi cấp tỉnh (mục VII.1)	
VIII	Kỳ thi tuyển, xét tuyển viên chức/Kỳ thi, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp		
1	Chi tiền công cho các chức danh của Hội đồng tuyển dụng viên chức/Hội đồng thi, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên và các Ban của Hội đồng (<i>Ban Thư ký, Ban Kiểm tra phiếu đăng ký dự tuyển/Kiểm tra hồ sơ dự xét thăng hạng, Ban Chấm hồ sơ, Ban Đề thi, Ban In sao, Ban Còi thi, Ban phách, Ban Phỏng vấn, Ban Chấm thi, Ban Chấm phúc khảo, Ban Giám sát</i>)		
1.1	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	500
1.2	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	400
1.3	Thư ký, cán bộ chấm thi trắc nghiệm, chấm thi tự luận, chấm phúc khảo, chấm hồ sơ dự xét thăng hạng, kiểm tra phiếu đăng ký dự tuyển	Người/ngày	350

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
1.4	Ủy viên, cán bộ coi thi, cán bộ giám sát, kỹ thuật viên	Người/ngày	300
1.5	Nhân viên phục vụ, y tế, bảo vệ, công an vòng ngoài	Người/ngày	200
1.6	Tiền công cho tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm thi (ngoài tiền công chấm thi)	Người/đợt	300
2	Chi tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ cho Hội đồng/Ban Đề thi, Ban In sao, Ban Làm phách; thành viên Ban Giám sát công tác ra đề, in sao, làm phách (thực hiện cách ly); công an bảo vệ 24h/24h	Áp dụng bằng mức chi tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ của kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông (mục I.2)	
3	Chi cho công tác ra đề thi/Đề kiểm tra, sát hạch	Áp dụng bằng mức chi cho công tác ra đề kỳ thi tuyển sinh lớp 10 trung học phổ thông (mục XI.3.5)	
IX	Các kỳ thi, cuộc thi, hội thi khác (nếu có)		
1	Quốc gia	Áp dụng tối đa bằng mức chi tương ứng các nội dung của Kỳ thi chọn học sinh giỏi các môn văn hóa cấp tỉnh. Số ngày tập huấn/ôn luyện đối với giáo viên, học sinh không quá 15 ngày, 04 tiết/ngày	
2	Cấp tỉnh	Áp dụng tối đa 80% mức chi tương ứng các nội dung của Kỳ thi chọn học sinh giỏi các môn văn hóa cấp tỉnh. Số ngày tập huấn/ôn luyện đối với học sinh không quá 12 ngày, 04 tiết/ngày	
3	- Cấp xã - Cấp trường đối với trường trung học phổ thông	Áp dụng tối đa 50% mức chi tương ứng các nội dung của Kỳ thi chọn học sinh giỏi các môn văn hóa cấp tỉnh. Số ngày tập huấn/ôn luyện đối với học sinh không quá 07 ngày, 04 tiết/ngày	
X	Các kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp trường	Áp dụng bằng 70% mức chi của kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp xã tương ứng	
XI	Chi cho công tác ra đề		
1	Chi xây dựng, phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi		
1.1	Chủ trì	Người/ngày	500
1.2	Ủy viên	Người/ngày	300
2	Chi ra đề đề xuất đối với môn tự luận (đối với môn thi không có ngân hàng câu hỏi)		
2.1	Thi chọn đội tuyển tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia	Đề theo phân môn	800
2.2	Thi học sinh giỏi cấp tỉnh	Đề theo phân môn	700

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
2.3	Thi học sinh giỏi cấp xã	Đề theo phân môn	560
2.4	Thi tuyển sinh lớp 10 trung học phổ thông	Đề theo phân môn	480
3	Tiền công ra đề thi chính thức, đề thi dự bị của đề thi tự luận hoặc đề thi trắc nghiệm có kèm theo đáp án, thang điểm		
3.1	Thi chọn đội tuyển tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia	Người/ngày	740
3.2	Thi thử tốt nghiệp trung học phổ thông	Người/ngày	550
3.3	Thi học sinh giỏi cấp tỉnh	Người/ngày	650
3.4	Thi học sinh giỏi cấp xã	Người/ngày	520
3.5	Thi tuyển sinh lớp 10 trung học phổ thông	Người/ngày	550
4	Chi công tác xây dựng ngân hàng câu hỏi thi		
4.1	Chi xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi		
	Chủ trì	Người/ngày	500
	Thành viên	Người/ngày	300
4.2	Chi soạn thảo câu hỏi thô	Câu	56
4.3	Chi rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	Câu	48
4.4	Chi chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	Câu	40
4.5	Tổ chức thi thử nghiệm	Áp dụng bằng 70% mức chi cho công tác tổ chức thi tốt nghiệp trung học phổ thông (mục I)	
4.6	Phân tích kết quả thi thử nghiệm theo từng đề thi	Báo cáo/môn	800
4.7	Chi chỉnh sửa lại câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	Câu	28
4.8	Chi rà soát, lựa chọn và nhập câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi theo hướng chuẩn hóa	Câu	8
4.9	Tiền công thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm		
	Chủ trì	Người/ngày	500
	Thành viên	Người/ngày	300
XII	Chi khen thưởng học sinh, giáo viên		
1	Thưởng đối với học sinh		

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
1.1	Thưởng cá nhân thi học sinh giỏi các môn văn hoá		
a	Học sinh đoạt giải trong kỳ thi cấp quốc gia		
	- Giải nhất	mức thưởng	2.000
	- Giải nhì	mức thưởng	1.500
	- Giải ba	mức thưởng	1.000
	- Giải khuyến khích	mức thưởng	500
b	Học sinh đoạt giải trong kỳ thi cấp tỉnh		
	- Giải nhất	mức thưởng	550
	- Giải nhì	mức thưởng	400
	- Giải ba	mức thưởng	300
	- Giải khuyến khích	mức thưởng	250
c	Học sinh đoạt giải trong kỳ thi cấp xã		
	- Giải nhất	mức thưởng	350
	- Giải nhì	mức thưởng	300
	- Giải ba	mức thưởng	250
	- Giải khuyến khích	mức thưởng	200
1.2	Đối với các kỳ thi, cuộc thi, hội thi khác		Áp dụng bằng 70% mức thưởng của Kỳ thi học sinh giỏi các môn văn hóa của cấp tổ chức kỳ thi, cuộc thi, hội thi tương ứng
1.3	Thưởng cho các dự án đạt giải Cuộc thi Khoa học kỹ thuật		
a	Cấp quốc gia		
	- Giải nhất	mức thưởng	2.400
	- Giải nhì	mức thưởng	1.600
	- Giải ba	mức thưởng	1.200
	- Giải tư	mức thưởng	800
b	Cấp tỉnh	mức thưởng	Áp dụng bằng 80% mức thưởng các giải tương ứng cấp quốc gia
c	Cấp xã	mức thưởng	Áp dụng bằng 70% mức thưởng các giải tương ứng cấp tỉnh
1.4	Thưởng Giải điền kinh, bóng rổ, bóng đá, Hội thao Giáo dục quốc phòng và an ninh, Hội khỏe Phù Đổng và các giải thể thao khác		

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
1.4.1	Đối với cá nhân		
a	Cấp tỉnh		
	Giải nhất/Huy chương vàng	mức thưởng	450
	Giải nhì/Huy chương bạc	mức thưởng	400
	Giải ba/Huy chương đồng	mức thưởng	300
b	Cấp xã		Áp dụng bằng 70% mức thưởng các giải tương ứng cấp tỉnh
1.4.2	Giải đồng đội, Giải đôi các môn thể thao		
1.4.2.1	Môn điền kinh và các môn thể thao		
a	Cấp tỉnh		
	Giải nhất/Huy chương vàng	mức thưởng	700
	Giải nhì/Huy chương bạc	mức thưởng	550
	Giải ba/Huy chương đồng	mức thưởng	450
b	Cấp xã		Áp dụng bằng 70% mức thưởng các giải tương ứng cấp tỉnh
1.4.2.2	Môn bóng rổ, bóng đá, Hội thao Giáo dục quốc phòng và an ninh		
a	Cấp tỉnh		
	Giải nhất/Huy chương vàng	mức thưởng	1.500
	Giải nhì/Huy chương bạc	mức thưởng	1.300
	Giải ba/Huy chương đồng	mức thưởng	950
	Giải khuyến khích	mức thưởng	550
b	Cấp xã		Áp dụng bằng 70% mức thưởng các giải tương ứng cấp tỉnh
1.4.3	Giải toàn đoàn		
a	Cấp tỉnh		
	Giải nhất	mức thưởng	1.800
	Giải nhì	mức thưởng	1.500
	Giải ba	mức thưởng	1.300
	Giải khuyến khích	mức thưởng	700
	Giải phong trào thể thao trường học	mức thưởng	1.300
	Giải phong cách môn bóng rổ, bóng đá	mức thưởng	800
	Giải cho cầu thủ xuất sắc nhất môn bóng rổ, bóng đá	mức thưởng	550
b	Cấp xã		Áp dụng bằng 70% mức thưởng các giải tương ứng cấp tỉnh

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
1.4.4	Khen thưởng đối với tập thể, cá nhân tham gia và đạt giải khu vực, quốc gia		
a	Giải cá nhân		
	Giải nhất/Huy chương vàng	mức thưởng	900
	Giải nhì/Huy chương bạc	mức thưởng	750
	Giải ba/Huy chương đồng	mức thưởng	600
b	Giải đôi, chạy tiếp sức		
	Giải nhất/Huy chương vàng	mức thưởng	1.300
	Giải nhì/Huy chương bạc	mức thưởng	900
	Giải ba/Huy chương đồng	mức thưởng	750
c	Giải đồng đội		
	Giải nhất/Huy chương vàng	mức thưởng	2.500
	Giải nhì/Huy chương bạc	mức thưởng	1.700
	Giải ba/Huy chương đồng	mức thưởng	900
d	Giải toàn đoàn		
	Giải nhất/Huy chương vàng	mức thưởng	3.300
	Giải nhì/Huy chương bạc	mức thưởng	2.500
	Giải ba/Huy chương đồng	mức thưởng	1.700
1.5	Thưởng đối với giáo viên		
a	Thưởng đối với giáo viên dự thi đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi, giáo viên tổng phụ trách Đội giỏi		
	- Cấp tỉnh	mức thưởng	550
	- Cấp xã	mức thưởng	400
b	Thưởng cho tổ giáo viên tập huấn/ôn luyện có học sinh đoạt giải và giáo viên trực tiếp giảng dạy có học sinh đoạt giải (chỉ được hưởng mức thưởng đối với giải cao nhất mà học sinh đạt được trong một kỳ thi)		
	- Cấp khu vực/quốc gia		
	+ Giải nhất	mức thưởng	2.000
	+ Giải nhì	mức thưởng	1.700
	+ Giải ba	mức thưởng	1.400
	- Cấp tỉnh		
	+ Giải nhất	mức thưởng	550
	+ Giải nhì	mức thưởng	450

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
	+ Giải ba	mức thưởng	400
	- Cấp xã		
	+ Giải nhất	mức thưởng	450
	+ Giải nhì	mức thưởng	400
	+ Giải ba	mức thưởng	300
XIII	Chi cho công tác chuẩn bị, tổ chức, tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi		
1	Chi thuê địa điểm làm việc cho Hội đồng và các Ban phục vụ công tác tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi (nếu có)	Căn cứ Hợp đồng, hóa đơn chứng từ chi tiêu hợp pháp, hợp lệ và được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong phạm vi dự toán giao	
2	Chi mua, thuê, vận chuyển lắp đặt, gia công, kiểm tra các dụng cụ, hóa chất, nguyên vật liệu, trang thiết bị, mẫu vật thực hành, vật tư văn phòng phẩm, chi in ấn các tài liệu, giấy chứng nhận, thẻ phục vụ ra công tác đề thi, in sao đề thi, tổ chức thi, chấm thi, tập huấn và tham dự của các kỳ thi, cuộc thi, hội thi (nếu có).	Căn cứ Hợp đồng, hóa đơn chứng từ chi tiêu hợp pháp, hợp lệ và được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong phạm vi dự toán giao	
3	Chi công tác phí, giải khát giữa giờ cho các thành viên tham gia công tác tổ chức thi (nếu có), giáo viên trong quá trình tập huấn và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi	Thực hiện theo Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 08/8/2025 của HĐND tỉnh Cao Bằng ban hành quy định mức chi công tác phí, mức chi tổ chức hội nghị đối với các cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp sử dụng kinh phí do ngân sách Nhà nước hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.	
4	Chi tiền ăn, ở, đi lại, giải khát giữa giờ của học sinh các đội tuyển trong quá trình tập huấn và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi	Thực hiện theo Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 08/8/2025 của HĐND tỉnh Cao Bằng ban hành quy định mức chi công tác phí, mức chi tổ chức hội nghị đối với các cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp sử dụng kinh phí do ngân sách Nhà nước hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.	

Mức chi quy định tại Nghị quyết này được thực hiện cho những ngày thực tế làm việc trong thời gian chính thức tổ chức các nhiệm vụ quy định tại Điều 2 Nghị quyết này. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày thì chỉ được hưởng một mức thù lao cao nhất./.